

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18/2018/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 30 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định mức chi, mức hỗ trợ thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016- 2020;

Căn cứ Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 17/TTr-STC ngày 15 tháng 5 năm 2018, Công văn số 1661/STC-HCSN ngày 17 tháng 7 năm 2018 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 41/BC-STP ngày 10 tháng 4 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức chi, mức hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 8 năm 2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Tài chính;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các tổ chức chính trị- xã hội tỉnh;
- Báo Quảng Ngãi;
- Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh;
- VPUB: PCVP, các P.N/cứu, CB-TH;
- Lưu VT, NNTN (Vũ 457).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Ngọc Căng

QUY ĐỊNH

Mức chi, mức hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 18 /2018/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm
2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định cụ thể mức chi, mức hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020 (gọi tắt là Chương trình) theo Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 (gọi tắt là Thông tư số 43/2017/TT-BTC).

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sử dụng và thụ hưởng nguồn kinh phí sự nghiệp của ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình; cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Mức chi hỗ trợ dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm

1. Chi hỗ trợ tư vấn xây dựng liên kết (chỉ áp dụng đối với xây dựng liên kết theo chuỗi giá trị mới), bao gồm tư vấn, nghiên cứu để xây dựng phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường

a) Chi tiền công: Hỗ trợ chi thuê chuyên gia xây dựng liên kết với mức chi cụ thể như sau:

- Mức chi 1.050.000 đồng/ngày/chuyên gia (theo mức chi tiền công cho Chủ tịch Hội đồng - chỉ họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học công nghệ được quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 9 Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 20/9/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi);

- Số lượng ngày công được hỗ trợ theo dự toán được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

b) Chi công tác phí, hội thảo, hội nghị theo quy định tại Nghị quyết số 46/2017/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XII, Kỳ họp thứ 7 ban hành Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Quảng Ngãi (gọi tắt là Nghị quyết số 46/2017/NQ-HĐND).

c) Mức chi cho các nội dung khác để tư vấn xây dựng liên kết (nếu có): Hỗ trợ 100% chi phí thực hiện theo các quy định hiện hành.

2. Chi tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật, nâng cao năng lực quản lý, quản trị chuỗi giá trị, phát triển thị trường.

Nội dung chi, mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 46/2017/NQ-HĐND; Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Thông tư số 123/2009/TT-BTC ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định nội dung chi, mức chi xây dựng chương trình khung và biên soạn chương trình, giáo trình các môn học đối với các ngành đào tạo Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp.

3. Chi hỗ trợ áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ (bao gồm các quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt và các chứng nhận chất lượng sản phẩm theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

Nội dung chi, mức chi thực hiện theo quy định tại Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản và Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg.

4. Chi hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tối đa 3 vụ/chu kỳ sản xuất, cụ thể:

- Hỗ trợ 100% chi phí mua bao bì, nhãn mác sản phẩm.
- Hỗ trợ 100% chi phí mua giống và các vật tư thiết yếu (bao gồm: các loại phân bón, hóa chất, thức ăn chăn nuôi) ở địa bàn khó khăn, huyện nghèo.
- Hỗ trợ 70% chi phí mua giống và 50% chi phí mua vật tư thiết yếu ở địa bàn trung du miền núi, bãi ngang.
- Hỗ trợ 50% chi phí mua giống và 30% chi phí mua vật tư thiết yếu ở địa bàn đồng bằng.

Điều 3. Mức hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn

Mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ cụ thể cho từng nội dung hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn theo quy định tại Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 4. Chi tập huấn nâng cao năng lực, nhận thức cho cộng đồng và người dân về nông thôn mới; tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng cho cán bộ xây dựng nông thôn mới

Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 46/2017/NQ-HĐND; Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Thông tư số 123/2009/TT-BTC ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định nội dung chi, mức chi xây dựng chương trình khung và biên soạn chương trình, giáo trình các môn học đối với các ngành đào tạo Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp.

Điều 5. Chi hỗ trợ học phẩm học tập thực hiện xóa mù chữ và chống tái mù chữ

1. Chi hỗ trợ học phẩm thực hiện xóa mù chữ và chống tái mù chữ đối với học viên theo danh mục và số lượng học phẩm ở bảng sau:

Số TT	Tên học phẩm	Đơn vị tính	Số lượng được cấp phát tối đa
1	Giấy trắng kẻ hoặc vở thép đóng sẵn	Thếp	20
2	Cặp học sinh	Cái	1
3	Bút bi	Cái	10
4	Bút chì đen	Cái	2
5	Hộp chì màu	Hộp	1
6	Tẩy	Cái	1
7	Bộ com pa, thước đo độ	Bộ	1
8	Dao con hoặc kéo	Cái	1
9	Hồ dán	Lọ	2
10	Giấy màu thủ công	Tờ	15
11	Bìa bọc đóng vở học sinh	Tờ	20
12	Thước kẻ	Cái	1

2. Đối với các lớp học phổ cập, xóa mù chữ ban đêm, ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí chi thấp sáng ban đêm, chi mua sổ sách theo dõi quá trình học tập, sách giáo khoa dùng chung.

- Chi thấp sáng đôi với lớp học phổ cập, xóa mù chữ ban đêm: 60.000 đồng/lớp/tháng, hỗ trợ theo thời gian thực học.

- Chi mua sổ sách theo dõi quá trình học tập: 100.000 đồng/lớp.

- Sách giáo khoa dùng chung: Sử dụng tủ sách giáo khoa dùng chung của trường, trường hợp thiếu thì được mua bổ sung nhưng tối đa không qua 1 bộ sách/học sinh/năm học.

3. Chi tuyên truyền, huy động người mù chữ, tái mù chữ đến lớp xóa mù chữ.

a) Mức chi hỗ trợ cho người tham gia hoạt động huy động, vận động (cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ sở giáo dục, các cơ quan, chính quyền, đoàn thể từ cấp xã trở xuống):

- Huy động số người mù chữ, tái mù chữ trong độ tuổi 15 - 60 đến lớp xóa mù: 50.000 đồng/học viên đến lớp và hoàn thành trong 01 năm học.

- Huy động trẻ trong độ tuổi giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở đang bỏ học hoặc chưa có điều kiện đến lớp xóa mù chữ: 30.000 đồng/học sinh đến lớp và hoàn thành trong 01 năm học.

Điều 6. Hỗ trợ thực hiện Chương trình khoa học, công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới

Tùy theo tình hình thực tế của từng Chương trình khoa học, công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới, UBND tỉnh phê duyệt quy mô thực hiện mô hình, định mức kinh tế kỹ thuật, nội dung hỗ trợ đối với các mô hình do UBND cấp tỉnh tổ chức thực hiện.

Điều 7. Mức chi hỗ trợ thu gom, xử lý chất thải rắn; thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, phân tán, cải tạo cảnh quan môi trường xanh- sạch- đẹp

1. Hỗ trợ thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt tại các xã đặc biệt khó khăn bằng 100% mức giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải do UBND tỉnh ban hành.

2. Hỗ trợ thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt tại các làng nghề truyền thống, làng nghề được công nhận thuộc ngành nghề được khuyến khích phát triển theo quy định tại Nghị định số 19/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ bằng 50% mức giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác do UBND tỉnh ban hành.

3. Hỗ trợ cho thôn, bản, tổ tự quản thực hiện công tác truyền thông, hướng dẫn nâng cao nhận thức cộng đồng về quản lý và thu gom, xử lý chất thải (bao gồm các nội dung chi: Thuê máy chiếu, chi phí khẩu hiệu, điện, nước; chi tài liệu; văn phòng phẩm, tiền nước uống, hỗ trợ tiền ăn, tiền xăng xe cho đại biểu) thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 46/2017/NQ-HĐND.

4. Đối với các nội dung hỗ trợ khác: Căn cứ nhu cầu thực tế của từng địa phương, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ động phối hợp với Sở Tài chính và các sở ngành có liên quan, tham mưu, đề xuất UBND tỉnh xem xét quyết định mức hỗ trợ cụ thể cho từng mục tiêu, nhiệm vụ.

Điều 8. Chi hỗ trợ xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh

Hỗ trợ 25% giá thành nhà tiêu hợp vệ sinh mẫu cho các đối tượng là trường học (nhà trẻ, mẫu giáo, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông), trạm y tế xã.

Điều 9. Nguồn kinh phí thực hiện các nội dung chi

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 43/2017/TT-BTC.

Điều 10. Quy định trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Mức chi, mức hỗ trợ tại Quy định này là cơ sở để lập và giao dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm để thực hiện Chương trình; việc quản lý và thanh toán theo quy định hiện hành của Nhà nước. Trường hợp, cùng một đối tượng được hưởng cùng một nội dung hỗ trợ của nhiều chính sách khác nhau thì thực hiện hỗ trợ theo chính sách có mức hỗ trợ cao nhất.

2. Việc lập, phân bổ, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí Chương trình thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, các văn bản hướng dẫn Luật và cơ chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và hướng dẫn tại Quyết định này. Hàng năm, vào thời điểm xây dựng dự toán, các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, căn cứ Kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt, có trách nhiệm lập dự toán, gửi Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cơ quan thương trực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của tỉnh) tổng hợp gửi Sở Tài chính trình cấp có thẩm quyền phân bổ và giao dự toán kinh phí thực hiện Chương trình theo đúng chế độ quy định.

3. Các nội dung khác không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 43/2017/TT-BTC.

4. Khi văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Ngọc Căng